

VAI TRÒ LIÊN KẾT CỦA MỘT SỐ PHÉP LIÊN KẾT HÌNH THỨC TRONG VĂN BẢN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Nhận bài:

05 – 08 – 2017

Chấp nhận đăng:

30 – 09 – 2017

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Lê Đức Luận^{a*}, Trương Phương Thảo^b

Tóm tắt: Văn bản hành chính là loại văn bản có tính tư tưởng cao, có kết cấu chặt chẽ, văn phong rõ ràng, khúc chiết, lập luận chặt chẽ. Liên kết hình thức là liên kết các phương tiện ngôn ngữ nhằm liên kết nội dung. Trong các phép liên kết hình thức thì phép lặp, phép nối và phép liên tưởng có hiệu lực lập luận và vai trò cao trong việc liên kết văn bản. Phép lặp nhấn mạnh, nhắc lại những từ ngữ và các cấu trúc cú pháp chủ chốt thể hiện chủ đề của đoạn văn. Phép nối nhằm mục đích mở rộng mệnh đề, bổ sung những yếu tố cần thiết tạo nên sự cân đối hài hòa giữa các yếu tố trong mệnh đề, giữa các mệnh đề trong câu. Phép liên tưởng điển hình thường gặp trong văn bản hành chính là liên tưởng bao hàm và số lượng. Cả hai phương thức này đều lập luận theo lối diễn dịch, nêu phần tổng quan trước rồi sau đó phân tích cụ thể từng khía cạnh, chi tiết. Liên kết hình thức trong các văn bản hành chính nhà nước tại Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III vừa thể hiện đặc trưng văn bản hành chính nói chung vừa thể hiện nét riêng về mặt nội dung văn bản trong cơ quan đảng ở một Học viện cụ thể.

Từ khóa: Văn bản; hành chính; phép liên kết; hình thức; lập luận.

1. Dẫn nhập

Liên kết hình thức là liên kết các phương tiện ngôn ngữ nhằm liên kết nội dung. Bài viết nhằm tìm ra vai trò của các phép liên kết hình thức tạo nên hiệu quả cho liên kết nội dung văn bản. Trần Ngọc Thêm cho rằng: *“Giữa hai mặt liên kết nội dung và liên kết hình thức có mối liên hệ biện chứng chặt chẽ: Liên kết nội dung được thể hiện bằng hệ thống các phương thức liên kết hình thức, và liên kết hình thức chủ yếu dùng để diễn đạt sự liên kết nội dung liên kết”* [13, tr.20].

Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu một số phép liên kết hình thức khảo sát trong các văn bản hành chính nhà nước lưu hành tại Học viện Chính trị khu vực III. Chúng tôi tìm hiểu các phép: phép lặp, phép nối, phép liên tưởng. Đây là các phép liên kết có vai trò liên kết và hiệu lực lập luận cao trong các văn bản hành chính nhà

nước.

2. Vai trò liên kết của một số phép liên kết hình thức

2.1. Phép lặp

Phép lặp là hình thức lặp lại các hình thức ngôn ngữ nhằm nhấn mạnh, nhắc lại, nháy lại một sự kiện, một vấn đề nào đó để gây sự chú ý, tạo hiệu ứng tâm lý tích cực cho người đọc, người nghe. Phép lặp có ba loại: lặp từ, lặp ngữ và lặp cấu trúc cú pháp.

Lặp từ là lặp các cấu trúc từ đơn và từ ghép. Văn bản hành chính trong cơ quan nhà nước thường lặp các từ ghép Hán Việt. Đoạn văn bản điển hình sau đây: *“Cấp ủy các cấp cần tổ chức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động tại đơn vị học tập, quán triệt và tuyên truyền phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết Đại hội XII của Đảng [...] Đề cao vai trò của bí thư cấp ủy và lãnh đạo đơn vị trong việc tổ chức quán triệt Nghị quyết và chỉ đạo xây dựng, thảo luận chương trình, kế hoạch hành động của cấp ủy, lãnh đạo, xây dựng chương trình hành động của cá nhân thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng [...] Cấp ủy đảng các cấp phải gắn học tập, truyền đạt nội dung Nghị quyết với việc uốn nắn những nhận thức lệch*

^aTrường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

^bHọc viện Chính trị khu vực III

* Liên hệ tác giả

Lê Đức Luận

Email: ldluan@ued.udn.vn

lạc, nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương tại đơn vị, [...] **Cấp ủy các cấp phối hợp cùng lãnh đạo đơn vị và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng gắn với chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với đặc điểm, tình hình đơn vị [...] Việc xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng phải hoàn thành ngay trong năm 2016. Đồng chí bí thư cấp ủy trực tiếp chỉ đạo công tác học tập, quán triệt những nội dung cơ bản của Nghị quyết và thông qua chương trình hành động của đảng bộ, chi bộ mình [...]**[14].

Danh từ nghị quyết được sử dụng lặp lại tổng cộng 07 lần trong đoạn văn bản trên. Các từ như *cấp ủy, lãnh đạo, xây dựng, chương trình, hành động* cũng có tần số lặp cao. Các từ lặp này thể hiện nội dung cơ bản của đoạn văn, thấy được các đối tượng liên quan đến thực hiện và phương thức thực hiện. Từ *nghị quyết* được lặp lại nhiều nhất chứng tỏ *nghị quyết* là vấn đề quan trọng nhất được đề cập. Đối tượng *lãnh đạo xây dựng chương trình hành động* chính là *cấp ủy*.

Lặp ngữ là lặp các mệnh đề, các cụm từ tự do hoặc cố định. Đoạn văn bản điển hình sau đây: **“Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã thành công rất tốt đẹp. Kết quả của Đại hội trở thành định hướng hoạt động cơ bản cho toàn hệ thống chính trị trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 sắp tới. Do đó, việc học tập, quán triệt và triển khai thực hiện tốt nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng là nhiệm vụ chính trị quan trọng của mỗi cán bộ, đảng viên và các tổ chức đảng. Căn cứ nội dung Chỉ thị số 01-CT/TW, ngày 22/3/2016 của Bộ Chính trị (Khóa XII) “về học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng”, Đảng ủy Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch học tập, quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng trong Đảng bộ Học viện như sau: [...]”**[14]

Trong ví dụ trên, ngữ danh từ: *Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng* là cụm từ được lặp lại 04 lần, *triển khai thực hiện nghị quyết* được lặp lại 3 lần. Mệnh đề “*Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*” là mệnh đề thể hiện vấn đề chính của đoạn văn và mệnh đề “*triển khai thực hiện nghị quyết*” là phương châm hành động của Đảng ủy Học viện Chính

trị quốc gia Hồ Chí Minh. Cấu trúc lặp thứ ba là ngữ động từ mở rộng bao hàm cả hai ngữ trên: *triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*. Cấu trúc này cũng lặp 3 lần. Cách thức lặp này cho thấy tầm quan trọng của vấn đề cần *triển khai thực hiện tốt nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*.

Trong một đoạn văn, ít khi chỉ có một phép liên kết mà kết hợp nhiều phép liên kết, đặc biệt là cùng đồng thời vừa lặp từ và ngữ. Lặp từ ngữ cũng là biện pháp triển khai chủ đề trong văn bản. Nó nhấn mạnh, nhắc lại những từ ngữ chủ chốt thể hiện chủ đề của đoạn văn. Khảo sát tại Báo cáo số 678/BC-HVCT-HVKVIII-CB ngày 01/11/2012 của Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III về “*Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa X*” cho thấy: Chủ đề là *việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa X*. Đối tượng chủ đề là *Nghị quyết Trung ương 4 khóa X*. Liên kết triển khai chủ đề liên quan đến đơn vị thực hiện là “*Học viện*” được lặp lại 34 lần; liên quan đến chủ đề là tên gọi “*Nghị quyết Trung ương 4*” được lặp lại 06 lần; liên quan đến các đơn vị và cá nhân thực hiện “*cơ cấu tổ chức bộ máy*” xuất hiện 05 lần; “*cán bộ, công chức, viên chức*” xuất hiện 15 lần,...

Lặp cú pháp là hình thức lặp lại cấu trúc câu. Đây là hình thức lặp có hiệu ứng ngữ nghĩa cao bởi nó nhấn mạnh nội dung của một vấn đề quan trọng. Lặp cú pháp là một hình thức tu từ cú pháp. Đoạn văn bản điển hình sau: **“Cấp ủy các cấp cần tổ chức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động tại đơn vị học tập, quán triệt và tuyên truyền phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết Đại hội XII của Đảng [...] Cấp ủy đảng các cấp phải gắn học tập, truyền đạt nội dung Nghị quyết với việc uốn nắn những nhận thức lệch lạc, nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương tại đơn vị, [...] Cấp ủy các cấp phối hợp cùng lãnh đạo đơn vị và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng gắn với chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với đặc điểm, tình hình đơn vị [...]”**[14]

Đoạn văn trên lặp các cấu trúc câu: *Cấp ủy các cấp // cần tổ chức cho cán bộ, đảng viên... Cấp ủy đảng các cấp // phải gắn học tập, truyền đạt nội dung Nghị quyết... Cấp ủy các cấp // phối hợp cùng lãnh đạo đơn vị và các tổ chức chính trị - xã hội...*Cấu trúc lặp này cùng thể hiện được đối tượng chủ thể và hành động thực

hiện. Mặc dù lặp cấu trúc và cả 3 lần lặp thì chỉ lặp đối tượng chủ thể còn hành động thì khác nhau. Cấu trúc cú pháp thứ nhất đề cập đến hành động “*tổ chức*”, cấu trúc cú pháp thứ hai đề cập đến hành động “*học tập, truyền đạt*” và cấu trúc cú pháp thứ hai đề cập đến hành động “*phối hợp cùng lãnh đạo*”. Các cấu trúc này đóng vai trò là mệnh đề chủ ngữ trong câu, nghĩa là chủ ngữ có kết cấu C-V: *Cấp ủy các cấp /cán tổ chức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động tại đơn vị //học tập, quán triệt và tuyên truyền phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết Đại hội XII của Đảng.*

Tiến hành khảo sát 500 văn bản hành chính điển hình đang lưu hành tại Học viện, trong đó tỉ lệ xuất hiện phép lặp trung bình trên một văn bản là 3,07 lần. Đây là phép liên kết xuất hiện phổ biến trong các văn bản hành chính được khảo sát, có tới 423/500 trường hợp. Văn bản hành chính lưu hành tại Học viện Chính trị khu vực III chỉ xuất hiện phép lặp dưới hình thức lặp từ vựng, lặp cú pháp mà không xuất hiện các hình thức lặp ngữ âm. Việc sử dụng hình thức lặp ngữ âm vốn là đặc trưng của thể loại văn học nên ở thể loại văn bản hành chính không được sử dụng vì nó không phù hợp với phong cách văn bản này.

Vai trò của phép lặp nhằm nhấn mạnh, nhắc lại nội dung được đề cập đến ở các câu. Vì thế, việc lặp các thuật ngữ, các từ chuyên ngành rất cần thiết trong việc triển khai nội dung của văn bản. Hơn nữa, nó còn giúp cho sự liên kết giữa các câu trong đoạn văn chặt chẽ. Có lẽ chính nhờ lợi thế này mà phép lặp được dùng phổ biến hơn cả trong các văn bản thuộc phong cách hành chính công vụ.

2.2. Phép nối

Phép nối là hình thức dùng các yếu tố ngôn ngữ nhằm nối thêm, kéo dài ra một số vấn đề để bổ sung ý cần nói cho rõ và đầy đủ hơn. Phép nối có mục đích liên kết trong phạm vi mệnh đề, phạm vi câu và phạm vi các cụm câu và đoạn văn với nhau. Phép nối thường thể hiện ở phương diện từ và ngữ.

Phép nối là từ thể hiện mối quan hệ liên kết đẳng lập hoặc chính phụ giữa các mệnh đề hoặc giữa các cụm từ trong câu. Phép nối loại này thường sử dụng các phương tiện nối kết như các *kết từ* (ví dụ: và, còn, nhưng, song, mặc dù, dù, dấu, thì,...), *phụ từ* (ví dụ: cũng, lại, cứ, luôn,...). Khảo sát câu trong “Quy chế làm việc của Học viện Chính trị khu vực III”: “*Quy chế*

này quy định về nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc của Học viện Chính trị khu vực III” cho thấy câu này sử dụng kết từ “*về*”, “*và*”, “*của*” để nối các thành phần của một câu. Kết từ “*và*” để nối hai vế thành phần của câu có quan hệ đẳng lập “*quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc*”. Còn kết từ “*về*”, “*của*” nói trong mỗi thành phần câu có quan hệ phụ thuộc. Sau từ “*về*” là một mệnh đề lớn thuộc ngữ danh từ: “*nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc của Học viện Chính trị khu vực III*” thể hiện nội dung của chế quy định điều gì. Từ “*của*” biểu thị quan hệ sở hữu, phụ thuộc “*Quy chế này... của Học viện Chính trị khu vực III*”. Nối các mệnh đề trong câu có các mối quan hệ sau:

- *Quan hệ mục đích*: Loại quan hệ này chỉ chiếm một số lượng khiêm tốn, khoảng trên 100 trường hợp (chiếm 9%). Ví dụ trong văn bản “*Kế hoạch tổ chức Hội nghị tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng 5 năm (2014-2019) ngày 14/5/2014*” có câu: “*Các ý kiến góp ý của các đơn vị và thành viên Hội đồng khoa học - Đào tạo cần tập trung bàn sâu các giải pháp nhằm đổi mới và nâng cao vai trò của công tác lãnh đạo, quản lý và chất lượng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giai đoạn 2014 - 2019*” [14].

Từ “*nhằm*” biểu thị mục đích tương ứng với từ “*để*” quy chiếu định hướng hành động. Câu trên, có thể không dùng từ “*nhằm*” vẫn có thể đủ ý nhưng người viết đã thêm từ “*nhằm*” để nhấn mạnh mục đích của “*các giải pháp*”.

- *Quan hệ điều kiện*: loại quan hệ này có số lần xuất hiện ít hơn cả, khoảng 90 trường hợp (chiếm 8%). Ví dụ trong bản “*Báo cáo khoa học Cách mạng tháng Tám “Đem sức ta mà giải phóng cho ta”, 19/8/2015*” có câu sau: “*Nếu không khơi dậy được sức mạnh vô địch của hàng chục triệu quân chúng trung kiên, bất khuất, dũng cảm xông lên giành chính quyền cho mình và của mình, thì với 5000 Đảng viên thời kỳ tiền khởi nghĩa Đảng ta làm sao có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử, tiến hành cuộc Cách mạng tháng Tám thắng lợi mau lẹ như thế*” [14].

Từ “*nếu*” chỉ điều kiện, điều kiện này được diễn đạt trong mệnh đề chứa nó để làm tiền đề cho kết quả đạt ở mệnh đề sau với từ “*thì*”. Kết cấu “*Nếu không khơi dậy... thì làm sao có thể*” còn mang ý nghĩa phản đề. Cách viết bình thường là phủ định - phủ định “*nếu*

không ...thì không”. Đây là cách viết khẳng định mạnh mẽ hơn nhưng lại nhẹ nhàng không có kiểu lên gân.

Kết ngữ là những tổ hợp từ gồm có một kết từ với một đại từ hoặc phụ từ, kiểu như: vì vậy, do đó, bởi thế, tuy vậy, nếu vậy, vậy mà, thế thì, với lại, và lại... hoặc những tổ hợp từ có nội dung chỉ quan hệ liên kết kiểu như *nghĩa là, trên đây, tiếp theo, nhìn chung, tóm lại, một là, ngược lại...* Dưới đây là các trường hợp đại diện cho phép nối bằng kết ngữ:

- *Quan hệ bổ sung*: Có tới 450/1.500 trường hợp có sự liên kết theo mối quan hệ này. Số liệu trên cho thấy đây là loại quan hệ được sử dụng nhiều nhất trong phép nối. Ví dụ: Báo cáo *Đánh giá về phẩm chất đạo đức của Đảng viên, 20/6/2014*: “*Hiện nay, “một bộ phận không nhỏ” cán bộ suy thoái về tư tưởng chính trị, về phẩm chất đạo đức, lối sống đang làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng... Cùng với đó, nguyên nhân về cơ chế, chính sách cũng là điều đáng quan tâm khắc phục*”.

Tổ hợp từ “*cùng với đó*” tự bản thân nó đã có ý nghĩa bổ sung, vì vậy hai câu được liên kết với nhau. Ở ví dụ này, chúng ta có thể thay thế từ nối “*cùng với đó*” bằng một số từ khác tương đương như: “*thêm vào đó*”. Về nội dung, kiểu liên kết này gọi là liên kết hồi chi. Hồi chi là liên kết giữa đơn vị, kết cấu văn bản đang xét với các đơn vị, kết cấu văn bản đứng trước nó, thường có đại từ chỉ định trong kết ngữ.

- *Quan hệ thời gian*: Trong tổng số 1.500 phép nối chúng tôi thu được khoảng 300 trường hợp sử dụng quan hệ thời gian các loại. Ví dụ: Văn bản “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, năm 2011*” có đoạn: “*Bác Hồ ra đi để lại một bản Di chúc mà Người đã suy ngẫm, cân nhắc xem đi sửa lại suốt 5 năm trời. Đó là một di sản vô giá và thiêng liêng Bác để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Trước hết, nói về Đảng, Bác căn dặn: “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta” [14]*”.

Trước hết là từ chỉ thứ tự sau trước về thời gian. Vì vậy nó nối kết hai câu trên theo sự diễn giải về trình tự của sự việc. Có thể sử dụng từ nối *trước tiên* thay thế trong trường hợp trên mà sắc thái ý nghĩa của câu không hề bị ảnh hưởng. Đây là kiểu liên kết khứ chi. Khứ chi là liên kết giữa đơn vị, kết cấu văn bản đang xét với đơn vị, kết cấu văn bản đi sau nó. Phát ngôn đang xét cần một phát ngôn khác cụ thể hóa nó và một phát ngôn

khác nữa để tiếp nối: vì rằng, đã có, trước hết, tất phải có, sau đó, kể đó, tiếp theo...

- *Quan hệ nguyên nhân (bao gồm cả hệ quả)*: Có 135 trường hợp, trong tổng số 1.500 phép nối. Ví dụ, bản “*Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học 2014-2015 năm 2015*” có đoạn: “*Đội ngũ cán bộ khoa học phần lớn thời gian dành cho công tác giảng dạy, công tác chuyên môn. Do đó, một số đồng chí chưa thật sự hăng say với nghiên cứu khoa học, chưa toàn tâm, toàn ý, tập trung sức lực, trí tuệ vào công tác nghiên cứu với một tinh thần tích cực, chủ động, nên chất lượng một số bài viết còn hạn chế*” [14].

Ở ví dụ này, kết ngữ “*do đó*” chỉ nguyên nhân trong câu chứa nó, có thể thay bằng kết ngữ tương ứng “*do vậy*”. *Đó* lại là đại từ thay thế cho nghĩa của cả câu trước nó. Chính vì vậy, chúng có liên kết với nhau về mặt nguyên nhân. Đây cũng thuộc liên kết hồi chi.

- *Quan hệ tương phản (bao gồm cả quan hệ nhượng bộ)*: dùng các từ như: tuy, mặc dầu...). Quan hệ tương phản có số lượng xấp xỉ với số lượng của loại quan hệ mục đích, trong 1.500 phép nối thì có khoảng 145 trường hợp nối theo quan hệ này. Ví dụ: Báo cáo “*Tiếp tục đổi mới, tạo bước chuyển mạnh về chất lượng giáo dục - đào tạo, 5/9/2014*” có đoạn: “*Các chương trình hành động của Học viện đã ban hành nhằm thực hiện yêu cầu đổi mới công tác đào tạo. Mặc dù Học viện đã có nhiều cố gắng và có những kết quả mới, song công tác đào tạo vẫn còn một số yếu kém, bất cập...và đang đứng trước nhiều khó khăn, thử thách*” [14]. Tổ hợp từ *Mặc dù... song* làm nhiệm vụ liên kết hai câu theo quan hệ nhượng bộ. Cặp kết ngữ này có thể thay thế bằng cặp kết ngữ “*tuy... nhưng*”. Quan hệ nhượng bộ này hàm chứa liên kết đối nghịch giữa điều mong muốn và kết quả đạt được.

Đây là loại phép liên kết được sử dụng nhiều nhất trong các phép liên kết được tiến hành khảo sát. Từ 500 văn bản hành chính lưu hành tại Học viện Chính trị khu vực III, chúng tôi thu được trên 1.500 trường hợp sử dụng phép nối. Nếu như kết từ chủ yếu liên kết các thành phần trong phạm vi câu thì kết ngữ chủ yếu liên kết các câu, các đoạn văn với nhau. Tuy nhiên, kết nối giữa các đoạn văn trong văn bản hành chính không điển hình nên bài viết không đưa vào nghiên cứu. Khảo sát và xử lý tư liệu cho thấy các từ ngữ nối kết được sử dụng khá phong phú, bao gồm nhiều kiểu quan hệ

thường gặp như: quan hệ bổ sung, quan hệ thời gian, quan hệ nguyên nhân (bao gồm cả hệ quả), quan hệ mục đích, quan hệ điều kiện, quan hệ tương phản (bao gồm cả quan hệ nhượng bộ dùng các tiếng tuy, mặc dầu...).

Việc sử dụng phép nối trong các văn bản hành chính lưu hành tại Học viện Chính trị khu vực III là rất phổ biến.

Dưới đây là bảng thống kê tần suất sử dụng các loại từ kết nối trong các văn bản:

TT	KẾT TỪ			PHỤ TỪ			TỪ NGỮ CHUYÊN DÙNG		
	Từ	Số văn bản xuất hiện	Số lần xuất hiện trung bình/văn bản	Từ	Số văn bản xuất hiện	Số lần xuất hiện trung bình/văn bản	Ngữ	Số văn bản xuất hiện	Số lần xuất hiện trung bình/văn bản
1	Và	500	25	Cũng	35		Như vậy	95	01
2	Còn	32	0,3	Lại	11		Quả vậy	05	0,001
3	Nhưng	255	09	Cứ	05		Ấy thế nhưng	0	0
4	Song	55	0,4	Luôn	65		Rốt cuộc	0	0
5	Mặc dù	24	0,1	-			Không những thế	24	0,02
6	Dù	20	0,1	-			-		
7	Dẫu	11	0,02	-			-		
8	Thì	38	0,5	-			-		
9	Đây	155	02	-			-		

Để có thể nhận diện cụ thể hơn về từ nối thực hiện chức năng liên kết qua các kiểu quan hệ thường gặp, có thể xem thêm kết quả khảo sát qua bảng dưới đây:

Bảng tỉ lệ xuất hiện các kiểu quan hệ thường gặp trong phép kết nối:

TT	Các quan hệ thường gặp	Số lần xuất hiện	Tỷ lệ %
1	Quan hệ bổ sung	401	26,77
2	Quan hệ thời gian	315	21,26
3	Quan hệ nguyên nhân (gồm cả hệ quả)	255	17,72
4	Quan hệ mục đích	135	9,06
5	Quan hệ điều kiện	120	8,27
6	Quan hệ tương phản	255	16,92

Bảng tần số xuất hiện từ ngữ kết nối trong các quan hệ liên kết:

Các quan hệ	Từ ngữ nối	Số lần	Các quan hệ	Từ ngữ nối	Số lần
-------------	------------	--------	-------------	------------	--------

		xuất hiện			xuất hiện	
Quan hệ bổ sung	- Bên cạnh đó	54	Quan hệ nguyên nhân – kết quả	- Bởi	25	
	- Có thể nói	12		- Bởi vì	7	
	- Cụ thể	6		- Bởi thế	22	
	- Cùng đó	6		- Chính vì thế	15	
	- Cùng lúc đó	6		- Chính vì vậy	17	
	- Cùng với đó	6		- Do	9	
	- Đặc biệt	77		- Do đó	20	
	- Đồng thời	77		- Do vậy	20	
	- Hay nói cách khác	6		- Nhờ đó	22	
	- Hơn đâu hết	6		- Như vậy	35	
	- Hơn lúc nào hết	6		- Rồi đây	6	
	- Hơn lúc nào	6		- Và như vậy	4	
	- Hơn nữa	18		- Vì	14	
	- Hơn thế	6		- Vì thế	12	
	- Mặt khác	12		- Vì vậy	16	
	- Nhất là	6		Quan hệ mục đích	- Để	112
	- Nhìn chung	7		Quan hệ điều kiện	- Bất kể	7
	- Ngoài ra	20			- Có vậy	8
	- Rõ ràng	7			- Đáng lẽ	4
	- Tương tự	8			- Muốn được như vậy	4
- Thậm chí	13	- Muốn thế	15			
- Thêm nữa	6	- Muốn vậy	12			
- Và	120	- Nếu	15			
- Với	30	- Nếu có	11			
Quan hệ thời gian (gồm cả quan hệ tuyến tính và liệt kê thứ tự)	- Đến nay	33	- Nếu như		12	
	- Hiện nay	12	- Như thế		11	
	- Nay	5	- Như vậy	11		
	- Năm nay	6	- Theo đó	12		
	- Năm qua	19	Quan hệ tương phản (Gồm cả quan hệ nhượng bộ)	- Dầu	11	
	- Một là	14		- Dù	14	
	- Hai là	14		- Mặc dầu	11	
	- Ba là	14		- Mặc dù	14	
	- Tiếp đó	15		- Ngược lại	11	
	- Tiếp theo	15		- Nhưng	19	
	- Trước hết	15		- Không chỉ... mà	11	
	- Trước mắt	17		- Không những thế	11	
	- Thứ nhất	22		- Tuy	11	
	- Thứ hai	22		- Tuy nhiên	71	
	- Thứ ba	22		- Trái lại	11	
- Thứ tư	22	- Thế nhưng		11		
- Thứ năm	22	- Song		11		

Phép nối nhằm mục đích mở rộng mệnh đề, bổ sung những yếu tố cần thiết tạo nên sự cân đối hài hòa giữa các yếu tố trong mệnh đề, giữa các mệnh đề trong câu. Phép nối móc xích các đoạn văn với nhau theo những quan hệ ngữ nghĩa. Các phương tiện nối kết có tác dụng bộc lộ rõ ràng nhất sự liên kết giữa các mệnh đề, giữa

các phát ngôn và các đoạn văn trong văn bản. Đây là phương thức được sử dụng phổ biến trong những loại văn bản đòi hỏi sự liên kết lôgic rõ ràng như văn bản khoa học, văn bản chính luận và trong trường hợp khảo sát này là văn bản hành chính được lưu hành tại Học viện Chính trị khu vực III.

2.3. Phép liên tưởng

Phép liên tưởng là cách sử dụng những từ ngữ chỉ những sự vật có thể nghĩ đến theo một định hướng nào đó, xuất phát từ những từ ngữ ban đầu, nhằm tạo ra mối liên kết giữa các phần chứa chúng trong văn bản. Dưới đây là những biểu hiện phổ biến:

a. Liên tưởng theo quan hệ bao hàm: Quan hệ bao hàm thể hiện rõ trong quan hệ chính thể - bộ phận như cây bao hàm lá, cành, quả, rễ... hoặc trong quan hệ tập hợp - thành viên của tập hợp như quân đội bao gồm sĩ quan, binh lính...

Ví dụ trong câu sau: **“Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ giảng dạy, nghiên cứu được đặt ra và đã được thực hiện khá tốt** trên cơ sở bảo đảm việc thực hiện những chính sách chung của Đảng và Nhà nước, đồng thời xuất phát từ thực tế, Học viện đã có những quy định, quy chế, cơ chế thực hiện riêng, như: **được** bố trí chỗ ở sau khi được tiếp nhận; **được** ưu tiên cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ trong và ngoài nước; **được** giữ nguyên lương và các khoản thu nhập khác khi đi học; được cấp kinh phí học chuyên ngành, học ngoại ngữ; chi phí toàn bộ đối với những trường hợp ứng viên phó giáo sư, nhà giáo ưu tú; **được** thanh toán tiền tàu xe 02 lần trong một năm; **được** hỗ trợ tiền cuối khóa 3 triệu đồng đối với thạc sĩ, 5 triệu đồng đối với tiến sĩ; **được** xem xét để phân đất làm nhà ở sau khi tốt nghiệp cao học, nghiên cứu sinh; **được** xem xét hỗ trợ tiền đối với những trường hợp đi học gặp khó khăn; **được** xem xét nâng lương trước thời hạn, đề nghị khen thưởng...” [14]

Trên đây là một câu mở rộng nhưng thực ra quy mô nó như một đoạn văn. Vấn đề được nêu ra trong câu là “Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ giảng dạy, nghiên cứu được đặt ra và đã được thực hiện khá tốt” sau đó là những mệnh đề triển khai những cái “được”. Tiền đề nêu đầu câu “những vấn đề làm được” dẫn dắt các vấn đề trong phạm vi những cái làm được sau là hệ quả của vấn đề nêu trước. Trong phép liên kết này, việc nêu ra “Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ giảng dạy, nghiên cứu được đặt ra và đã được thực hiện khá tốt” là một nhận định khái quát, tổng thể và sau đó nêu những điều đạt được cụ thể: **được** ưu tiên cử đi đào tạo...; **được** giữ nguyên lương...; **được** thanh toán tiền... Sử dụng biện pháp liệt kê là cách thức thể hiện những vấn đề cụ thể, chi tiết của vấn đề bao

trùm được nêu trước đó.

Liên tưởng trong câu văn trên có vai trò khẳng định điều Học viện đã làm được trong công tác cán bộ và những điều cụ thể mà cán bộ giảng dạy được thụ hưởng. Điều này là minh chứng hùng hồn về sự quan tâm của Học viện và hiệu quả của sự quan tâm đó trong việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ giảng dạy, nghiên cứu.

b. Liên tưởng về số lượng: Đây là cách thức liên tưởng từ những số lượng được nêu ra trước làm tiền đề và từ đó diễn giải phù hợp với số lượng đã đưa ra.

Ví dụ đoạn văn sau: “Nghiên cứu khoa học của Học viện đã được phát triển về bề rộng và có chiều sâu. Trong 6 năm (2005 - 2011), Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III đã và đang triển khai thực hiện 137 đề tài các cấp, trong đó có 02 đề tài cấp nhà nước, 01 đề tài nhánh của đề tài cấp nhà nước, 22 đề tài cấp bộ, 03 đề tài phối hợp với các địa phương, 109 đề tài cấp cơ sở. Cụ thể như sau:

* *Đề tài cấp nhà nước...* nghiệm thu đạt loại khá. Đề tài nhánh thuộc đề tài cấp nhà nước... được thực hiện trong 2 năm 2008 - 2009, đã hoàn thành và giao nộp sản phẩm.

* *Đề tài cấp Bộ.* Đã thực hiện thành công 22 đề tài, kết quả có 3 đề tài đạt loại xuất sắc, 17 đề tài loại khá, 2 đề tài đạt loại trung bình; năm 2011 có 2 đề tài.

* *Đề tài cấp tỉnh, thành phố.* Thực hiện thành công 3 đề tài cấp tỉnh, thành phố, trong đó có 1 đề tài đạt loại xuất sắc, 2 đề tài đạt loại khá.

* *Đề tài cấp cơ sở.* Trong 6 năm 2005 - 2011, Học viện triển khai thực hiện 109 đề tài cấp cơ sở, đến nay đã nghiệm thu 94 đề tài, đang thực hiện 15 đề tài năm 2011. Trong số các đề tài nghiệm thu có 10 đề tài đạt loại xuất sắc, 79 đề tài đạt loại khá, 5 đề tài đạt loại trung bình [14].

Hai đoạn văn trên liên kết về số lượng. Đoạn văn đầu nêu số lượng khái quát. Từ việc nêu số lượng tổng quan 137 đề tài các cấp đến việc nêu những số lượng cụ thể của từng loại “*có 02 đề tài cấp nhà nước, 01 đề tài nhánh của đề tài cấp nhà nước, 22 đề tài cấp bộ, 03 đề tài phối hợp với các địa phương, 109 đề tài cấp cơ sở*”. Đoạn văn thứ hai triển khai cụ thể hơn với 4 cụm câu, mỗi cụm câu minh chứng số liệu đề tài của từng cấp

nguyên cứu. Đoạn văn thứ hai triển khai minh chứng những số liệu của đoạn văn thứ nhất đã nêu ra.

Vai trò của liên tưởng này là các câu, các đoạn văn sau diễn giải, minh họa những số liệu cụ thể của từng vấn đề mà số lượng tổng thể đã nêu ở đoạn văn đầu nhằm chứng minh tính sát thực của các số liệu đã đưa ra.

Phép liên tưởng thể hiện nhiều phương thức nhưng phương thức điển hình thường gặp trong văn bản hành chính là liên tưởng bao hàm và số lượng. Cả hai phương thức này đều lập luận theo lối diễn dịch, nêu phần tổng quan trước rồi sau đó diễn giải, phân tích cụ thể từng khía cạnh, chi tiết.

3. Kết luận

Văn bản hành chính là loại văn bản có tính tư tưởng cao, có kết cấu chặt chẽ, văn phong rõ ràng, khúc chiết, lập luận chặt chẽ. Văn bản hành chính nhà nước trong cơ quan đảng lại càng có tính lí luận cao.

Liên kết hình thức là liên kết làm nổi bật nội dung. Trong các phép liên kết hình thức thì phép lập, phép nối và phép liên tưởng có vai trò cao trong việc liên kết văn bản. Bài viết này khảo sát các văn bản hành chính nhà nước Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III vừa thể hiện đặc trưng liên kết hình thức trong văn bản hành chính nói chung vừa thể hiện nét riêng về mặt nội dung văn bản trong cơ quan đảng ở một Học viện cụ thể. Chúng tôi hi vọng bài viết góp phần tìm hiểu thêm đặc điểm liên kết hình thức trong văn bản hành chính nhà nước qua việc khảo sát một số phép liên kết điển hình.

Tài liệu tham khảo

- [1] Diệp Quang Ban (1999). *Văn bản và liên kết văn bản*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Diệp Quang Ban (2010). *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [3] Đỗ Hữu Châu (chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Diệu (2005). *Giáo trình gián yếu về ngữ pháp văn bản*. NXB Đà Nẵng.
- [4] Nguyễn Tài Cẩn (1975). *Ngữ pháp Tiếng Việt*. NXB ĐH và THCN, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Chí Hòa (2006). *Các phương tiện liên kết và tổ chức văn bản*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Nguyễn Thiện Giáp (2010). *Từ vựng tiếng Việt*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [7] I. R. Galperin (1987). *Văn bản với tư cách đối tượng nghiên cứu ngôn ngữ học*. NXB KHXH, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Văn Khang (2002). *Tiếng Việt trong giao tiếp hành chính*. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [9] Đinh Trọng Lạc (1994). *Phong cách học văn bản*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [10] Lê Đức Luận (2013). *Giáo trình ngữ pháp văn bản*. Khoa ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm – ĐH Đà Nẵng (lưu hành nội bộ).
- [11] O.I. Moskalskaja (1996). *Ngữ pháp văn bản*. Trần Ngọc Thêm dịch, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Thị Việt Thanh (1997). *Hệ thống liên kết lời nói tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [13] Trần Ngọc Thêm (2011). *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [14] Văn bản hành chính nhà nước tại Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III.

THE LINKING ROLE OF SOME FORMAL COHESIVE DEVICES IN STATE ADMINISTRATIVE DOCUMENTS

Abstract: Administrative documents belong to a type of texts which is highly ideological, closely structured and clearly written with weighty arguments. Formal cohesion includes language devices that link contents together. Among formal cohesive devices, repetition, conjunction and association show high effectiveness in argumentative force and play a major role in textual cohesion. The repetition emphasizes and reiterates words, expressions and key syntactic structures that represent the subject of a passage. The conjunction is aimed at extending clauses and adding necessary elements to create balance and harmony among elements in a clause and among clauses in a sentence. Administrative documents are also typically characterized by inclusive and quantitative associations, which present arguments in an interpretive way: giving an overview first and then analyzing each aspect and each detail.

Formal cohesion in state administrative documents at the Institute of Politics – Administration in Region III show both the characteristics of administrative documents in general and distinct features of text contents in party offices at an institute in particular.

Key words: Documents; administration; cohesive devices; form; arguments.